

Số: 194/QĐ-HVPNVN

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt mục tiêu và chuẩn đầu ra
chương trình đào tạo trình độ đại học của Học viện Phụ nữ Việt Nam

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1558/QĐ-TTg ngày 18/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Phụ nữ Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về Chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học của Học viện Phụ nữ Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định 568/QĐ-HVPNVN ngày 29/5/2025 của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam;

Căn cứ Hướng dẫn xây dựng chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần của Học viện Phụ nữ Việt Nam ban hành kèm Quyết định 1329/QĐ-HVPNVN ngày 16/12/2024 của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam;

Căn cứ kết quả góp ý, thẩm định của Hội đồng Khoa học và Đào tạo đào tạo;
Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Phát triển và Quản lý dịch vụ xã hội thuộc ngành Công tác xã hội trình độ đại học, mã số: 7760101 (có văn bản chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ khoá tuyển sinh năm học 2026 - 2027.

Điều 3. Phòng Đào tạo, Khoa Công tác xã hội và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website Học viện;
- Lưu VT, ĐT.



Trần Quang Tiến

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 194/QĐ-HVPNVN, ngày 06 tháng 3 năm 2026
của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam)

1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo

- Tên chương trình đào tạo:
 - + Tên tiếng Việt: Phát triển và Quản lý dịch vụ xã hội
 - + Tên tiếng Anh: Social Service Development and Management
- Ngành đào tạo: Công tác xã hội
- Mã số ngành đào tạo: 7760101
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 04 năm
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
- Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân Công tác xã hội
- Đơn vị đào tạo và cấp bằng: Học viện Phụ nữ Việt Nam

2. Triết lý và Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Triết lý của chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Phát triển và quản lý dịch vụ xã hội được xây dựng trên nền tảng lấy con người làm trung tâm, hướng tới công bằng và phát triển bền vững, coi trọng quản lý dựa trên bằng chứng, hợp tác liên ngành và gắn kết chặt chẽ giữa lý luận với thực tiễn nhằm đào tạo nguồn nhân lực có năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp và khả năng thích ứng, dẫn dắt sự phát triển của các dịch vụ xã hội trong bối cảnh xã hội biến đổi.

2.2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.2.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo Phát triển và Quản lý Dịch vụ xã hội nhằm đào tạo người học có đầy đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, năng lực tự chủ và trách nhiệm phù hợp với đặc thù của lĩnh vực phát triển và quản lý, quản trị dịch vụ xã hội, đáp ứng chuẩn đầu ra bậc 6 theo Khung trình độ Quốc gia Việt Nam; phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn và định hướng đào tạo theo hướng ứng dụng của Học viện Phụ nữ Việt Nam, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội trong bối cảnh chuyển đổi số và phát triển bền vững. Người học được trang bị kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, công tác xã hội, xã hội học, quản lý công, chính sách xã hội và an sinh xã hội; có năng lực thiết kế, tổ chức, quản lý, điều phối, giám sát và phát triển các dịch vụ xã hội; có khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm, tư duy phản biện, đổi mới sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp; có

năng lực ngoại ngữ, năng lực số, khả năng thích ứng với môi trường làm việc đa lĩnh vực và ý thức phục vụ cộng đồng, xã hội.

2.2.2. Mục tiêu cụ thể:

PO1: Trang bị cho người học kiến thức nền tảng và hệ thống về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật, chính sách xã hội và quản lý công; hình thành lập trường tư tưởng, quan điểm chính trị vững vàng; có khả năng hiểu, phân tích và đánh giá các vấn đề kinh tế - xã hội trong bối cảnh phát triển mới của đất nước.

PO2: Trang bị cho người học kiến thức chuyên ngành về công tác xã hội, quản lý và phát triển dịch vụ xã hội, bao gồm các lý thuyết và phương pháp công tác xã hội, hệ thống an sinh xã hội và chính sách xã hội, quản lý ca; thiết kế, tổ chức, vận hành và đánh giá các chương trình, dự án và dịch vụ xã hội; có hiểu biết về giới, bình đẳng giới và các vấn đề xã hội đương đại; có khả năng phân tích, đánh giá và vận dụng kiến thức để phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ xã hội cho các nhóm đối tượng khác nhau.

PO3: Đào tạo cử nhân có kỹ năng nghề nghiệp trong thiết kế, triển khai, quản lý, giám sát và đánh giá chương trình, dự án và dịch vụ xã hội; có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, điều phối, giao tiếp, truyền thông và giải quyết vấn đề; có khả năng tự học, nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp xã hội và học tập suốt đời.

PO4: Đào tạo cử nhân có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội; vận dụng đúng các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp và quy định pháp luật trong quản lý và cung cấp dịch vụ; có nhận thức đúng đắn về giới và phát triển; có tinh thần trách nhiệm và ý thức phục vụ cộng đồng, đáp ứng yêu cầu thực tiễn nghề nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra

3.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

PLO1: Hiểu, trình bày và phân tích được những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách và pháp luật của Nhà nước; vận dụng vào việc xem xét và đánh giá các vấn đề kinh tế-xã hội, an ninh – quốc phòng liên quan đến lĩnh vực phát triển và quản lý dịch vụ xã hội.

PLO2: Vận dụng và phân tích các kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, pháp luật, quản lý công, công tác xã hội, xã hội học và chính sách xã hội để nhận diện, giải thích, và đánh giá các vấn đề xã hội liên quan; xác định nhu cầu xã hội và các yếu tố tác động đến việc hình thành và phát triển dịch vụ xã hội.

PLO3: Vận dụng được kiến thức chuyên ngành về thiết kế, tổ chức, vận hành và quản lý dịch vụ xã hội, bao gồm quản lý nhân sự, điều phối nguồn lực, quản trị chất lượng, quản lý rủi ro, các nguyên tắc đạo đức và pháp lý trong cung cấp dịch vụ xã hội.

PLO4: Vận dụng được kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội, thống kê xã hội, giám sát và đánh giá chương trình, dự án và dịch vụ xã hội; phân tích và diễn giải dữ liệu xã hội phục vụ ra quyết định quản lý và cải tiến chất lượng dịch vụ.

PLO5: Hiểu, vận dụng và tích hợp các kiến thức về công nghệ thông tin, năng lực số và ngoại ngữ trong quản lý, điều hành, truyền thông và cung cấp dịch vụ xã hội; đánh giá và thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số trong lĩnh vực phát triển và quản lý dịch vụ xã hội.

3.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

PLO6: Phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề và tình huống phát sinh trong thực tiễn quản lý và cung cấp dịch vụ xã hội; thực hiện hiệu quả kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề và thích ứng với môi trường làm việc đa dạng, biến động.

PLO7: Vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội để phát hiện vấn đề, thu thập, phân tích và diễn giải dữ liệu, đánh giá hiệu quả chương trình, dự án và dịch vụ xã hội và sử dụng kết quả nghiên cứu trong quản lý và cải tiến chất lượng dịch vụ xã hội.

PLO8: Thực hiện đánh giá nhu cầu, phân tích bối cảnh, phân tích hệ thống dịch vụ và các bên liên quan; đề xuất và thiết kế các giải pháp quản lý, điều phối và tổ chức cung cấp dịch vụ xã hội phù hợp với điều kiện thực tiễn và nhóm đối tượng thụ hưởng.

PLO9: Thực hiện hiệu quả các kỹ năng truyền thông, vận động chính sách và huy động sự tham gia của các bên liên quan; điều phối nguồn lực và nâng cao nhận thức cộng đồng, góp phần cải thiện khả năng tiếp cận dịch vụ cho các nhóm yếu thế.

PLO10: Phân tích và đánh giá được tác động của chính sách xã hội, chương trình và dịch vụ xã hội; tham mưu, tư vấn và đề xuất khuyến nghị điều chỉnh chính sách, chương trình và mô hình dịch vụ theo hướng hiệu quả, công bằng và bền vững.

PLO11: Thực hiện được các hoạt động kiến tập, thực hành và thực tập nghề nghiệp; có kỹ năng xây dựng, triển khai, giám sát và quản lý các dự án, chương trình và mô hình dịch vụ xã hội tại cơ sở, tổ chức và cộng đồng.

PLO12: Vận dụng tư duy đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp xã hội để đề xuất và phát triển ý tưởng, xây dựng kế hoạch phát triển dịch vụ; kết nối nguồn lực, phát triển mạng lưới hợp tác và duy trì năng lực học tập suốt đời.

3.3. Chuẩn đầu ra về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO13: Có lập trường tư tưởng vững vàng, bản lĩnh chính trị rõ ràng; tin tưởng vào chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội; có tinh thần trách nhiệm, tính tự giác trong học tập, rèn luyện và trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

PLO14: Tự giác, chủ động học tập, cập nhật kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong môi trường làm việc thay đổi; chịu trách nhiệm đối với các nhiệm vụ được giao; tuân thủ các giá trị, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và quy định pháp luật trong quá trình phát triển, quản lý và cung cấp dịch vụ xã hội; đặt lợi ích của cộng đồng và đối tượng thụ hưởng dịch vụ làm trọng tâm; tôn trọng quyền tiếp cận dịch vụ, quyền riêng tư, quyền tham gia và quyền bảo mật thông tin.

PLO15: Có khả năng tự định hướng trong công việc; hướng dẫn, phối hợp và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi chuyên môn; đưa ra các kết luận chuyên môn, đề xuất giải pháp quản lý và có khả năng giải trình, bảo vệ quan điểm cá nhân dựa trên cơ sở khoa học, pháp lý và thực tiễn.

3.4. Chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ, năng lực số

3.4.1. Ngoại ngữ

PLO16: Sử dụng được tiếng Anh ở trình độ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam: Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v...; Có thể viết các đoạn văn ngắn đơn giản về các chủ đề quen thuộc hoặc chủ đề trong lĩnh vực chuyên môn; có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình; Có thể đọc, hiểu các tài liệu chuyên ngành hoặc các lĩnh vực quan tâm được diễn đạt rõ ràng, mạch lạc.

Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ năng lực tiếng Anh tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam:

Chứng chỉ / Văn bằng	Trình độ/Thang điểm tương đương bậc 3
CEFR/APTIS	B1
TOEIC (L&R)	450-595
IELTS	4.0-5.0
PTE Academic	43-58
TOEFL ITP	450-499
TOEFL iBT	30-45
Cambridge	140-159 PET
Linguaskill	140-159
Bài thi của Học viện Phụ Nữ Việt Nam	Điểm thi: 5-10

3.4.2. Năng lực số

PLO17: Đạt được các năng lực số áp dụng đối với sinh viên không theo học các ngành thuộc lĩnh vực khoa học máy tính và công nghệ thông tin; được Học viện xây dựng và phê duyệt trong đề cương chi tiết Học phần năng lực số trên cơ sở tham khảo các quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/1/2025 quy định Khung năng lực số cho người học).

4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Với nền tảng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật, giới và bình đẳng giới; cùng hệ thống kiến thức chuyên sâu về phát triển, tổ chức, quản lý, giám sát và đổi mới dịch vụ xã hội, sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo Phát triển và quản lý dịch vụ xã hội có khả năng đảm nhiệm nhiều vị trí việc làm đa dạng trong khu vực nhà nước, ngoài nhà nước và các tổ chức quốc tế, cụ thể:

*** Nhóm vị trí việc làm tại cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp**

- Chuyên viên quản lý và phát triển dịch vụ xã hội (tham gia xây dựng, tổ chức thực hiện, quản lý và cải tiến các dịch vụ xã hội, an sinh xã hội cho các nhóm đối tượng)

- Chuyên viên quản lý chương trình, dự án xã hội: tham gia lập kế hoạch, triển khai, theo dõi và điều phối các chương trình, dự án phát triển xã hội ở trung ương và địa phương.

- Chuyên viên phân tích, tư vấn chính sách xã hội: tham gia phân tích, đánh giá và đề xuất các giải pháp hoàn thiện chính sách và hệ thống dịch vụ xã hội.

*** Nhóm vị trí việc làm tại các cơ sở cung cấp dịch vụ xã hội khu vực công và tư**

- Cán bộ/nhân viên quản lý, điều phối cơ sở dịch vụ xã hội: quản lý hoạt động chuyên môn, điều phối nhân sự và nguồn lực tại các trung tâm dịch vụ xã hội, cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở chăm sóc và hỗ trợ các nhóm yếu thế.

- Chuyên viên quản lý chất lượng và quản trị rủi ro dịch vụ xã hội: xây dựng, triển khai và giám sát các quy trình, tiêu chuẩn chất lượng; nhận diện và quản lý rủi ro trong cung cấp dịch vụ.

*** Nhóm vị trí việc làm tại tổ chức phi chính phủ (NGO), tổ chức quốc tế, dự án phát triển**

- Điều phối viên chương trình, dự án xã hội: điều phối hoạt động, kết nối các bên liên quan, theo dõi tiến độ và hiệu quả thực hiện chương trình, dự án.

- Chuyên viên giám sát và đánh giá (M&E): thực hiện theo dõi, đánh giá hiệu quả, chất lượng và tác động của chương trình, dự án và dịch vụ xã hội; đề xuất điều chỉnh nhằm nâng cao hiệu quả can thiệp.

*** Nhóm vị trí việc làm về truyền thông, huy động nguồn lực và phát triển cộng đồng**

- Chuyên viên truyền thông xã hội và vận động chính sách: thực hiện truyền thông, nâng cao nhận thức cộng đồng, vận động sự tham gia của các bên liên quan trong phát triển dịch vụ xã hội.

- Chuyên viên huy động nguồn lực và gây quỹ xã hội: kết nối, huy động và quản lý các nguồn lực tài chính, nhân lực và xã hội phục vụ hoạt động của chương trình, dự án và cơ sở dịch vụ xã hội.

*** Nhóm vị trí việc làm về chuyển đổi số, dữ liệu và hỗ trợ quản lý**

- Chuyên viên chuyển đổi số trong quản lý dịch vụ xã hội: tham gia ứng dụng công nghệ số, hệ thống thông tin và nền tảng số trong quản lý, giám sát và cung cấp dịch vụ xã hội.

- Chuyên viên phân tích dữ liệu xã hội phục vụ quản lý: thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu xã hội nhằm hỗ trợ ra quyết định, hoạch định và đánh giá hiệu quả quản lý dịch vụ xã hội.

- Quản lý, điều phối doanh nghiệp xã hội, mô hình đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp xã hội, phát triển các sáng kiến xã hội gắn với cung cấp dịch vụ bền vững, đáp ứng nhu cầu xã hội và định hướng phát triển kinh tế - xã hội.

5. Ma trận đóng góp của Chuẩn đầu ra vào Mục tiêu Chương trình đào tạo, đóng góp của các học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

5.1. Ma trận đóng góp của Chuẩn đầu ra vào Mục tiêu Chương trình đào tạo

STT	Mã CĐR	PO1	PO2	PO3	PO4
1.	PLO1	3			2
2.	PLO2	3	3		
3.	PLO3		2	3	
4.	PLO4		1	3	
5.	PLO5			2	
6.	PLO6		2	3	
7.	PLO7		3	3	
8.	PLO8		3	3	
9.	PLO9		2	3	
10.	PLO10		3		
11.	PLO11		3	3	
12.	PLO12		2	3	
13.	PLO13	2			3
14.	PLO14			3	3
15.	PLO15		2	3	
16.	PLO16		2	3	
17.	PLO17		2	3	

Ghi chú: 1: đóng góp thấp; 2: đóng góp trung bình; 3: đóng góp cao.

5.2. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

STT	TÊN HỌC PHẦN	BỘ CHUẨN ĐẦU RA																
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15	PLO16	PLO17
1.	Triết học Mác-Lênin	3	2										3					
2.	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	3	2										3					
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	2										3					
4.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	2										3					
5.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3											3	2				
6.	Pháp luật đại cương	3	2											2				
7.	Tâm lý học đại cương		3				2							2				
8.	Xã hội học đại cương		3				2	2										
9.	Nhập môn Công tác xã hội		3	2										2				
10.	Phương pháp nghiên cứu trong khoa học xã hội		2		3			3										
11.	Thống kê xã hội				3	2		3										
12.	Khởi nghiệp kinh doanh						2					3			2			
13.	Năng lực số cơ bản					3	2										3	
14.	Năng lực số nâng cao					3	2										3	



STT	TÊN HỌC PHẦN	BỘ CHUẨN ĐẦU RA																
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15	PLO16	PLO17
29.	Thiết kế và phát triển dịch vụ xã hội			3					3				2					
30.	Quản lý chất lượng dịch vụ xã hội			3				2			3							
31.	Quản lý và Phát triển nguồn lực trong cung cấp dịch vụ xã hội			3					3	2								
32.	Xây dựng và Quản lý dự án xã hội						2		3			3						
33.	Đạo đức và văn hóa trong quản lý dịch vụ xã hội						2						2	3				
34.	Quản lý trường hợp trong cung cấp dịch vụ xã hội						3		3			2						
35.	Kiểm huấn dịch vụ xã hội											3		2	3			
36.	Kiến tập						2					3		2				
37.	Thực hành nghề nghiệp 1 (kỹ năng nghề)						3		2			3						
38.	Thực hành nghề nghiệp 2 (tại cơ sở dịch vụ xã hội)						3		2			3						
39.	Phát triển và quản lý dịch vụ xã hội đối với trẻ em			3					3		2							



STT	TÊN HỌC PHẦN	BỘ CHUẨN ĐẦU RA																
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15	PLO16	PLO17
40.	Phát triển và quản lý dịch vụ xã hội đối với người cao tuổi			3					3		2							
41.	Phát triển và quản lý dịch vụ xã hội đối với người khuyết tật			3					3		2							
42.	Phát triển và quản lý dịch vụ xã hội đối với phụ nữ và gia đình			3					3		2							
43.	Phát triển và quản lý dịch vụ xã hội đối với nhóm dân tộc thiểu số			3					3		2							
44.	Phát triển và quản lý dịch vụ xã hội trong lĩnh vực y tế			3					3		2							
45.	Phát triển và quản lý dịch vụ xã hội trong trường học			3					3		2							
46.	Lập kế hoạch và quản lý ứng phó trong tình huống khẩn cấp						2		3			3						



STT	TÊN HỌC PHẦN	BỘ CHUẨN ĐẦU RA																
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15	PLO16	PLO17
47.	Giám sát, đánh giá chương trình và dịch vụ xã hội				3			3			2							
48.	Truyền thông và vận động dịch vụ xã hội						3		2	3								
49.	Tiếng Anh chuyên ngành Dịch vụ xã hội)			2		2											3	
50.	Giới và phát triển		2								2				2			
51.	Thực tập tốt nghiệp						3					3					3	
52.	Khóa luận tốt nghiệp (hoặc chọn học 02 học phần chưa học trong số các học phần tự chọn thuộc phần Kiến thức ngành để thay thế khóa luận tốt nghiệp)				3			3									3	

6. Kế hoạch và cam kết thực hiện Chuẩn đầu ra

6.1 Kế hoạch thực hiện để đạt chuẩn đầu ra: Có thể bổ sung, hoàn thiện các giải pháp phù hợp với chương trình đào tạo nhưng không được ít hơn các giải pháp dưới đây

Để đạt được chuẩn đầu ra trên đây, Học viện xây dựng một số giải pháp chủ yếu thực hiện như sau:

- Tổ chức xây dựng chương trình dạy học đáp ứng chuẩn đầu ra; thường xuyên cập nhật, điều chỉnh chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của bối cảnh hội nhập quốc tế, của thị trường và nhà tuyển dụng lao động.

- Tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả người học và các hoạt động đảm bảo chất lượng một cách nghiêm túc, đúng quy định;

- Đào tạo, tuyển dụng đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng đảm bảo đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng.

- Đảm bảo có đầy đủ thiết bị, phương tiện phục vụ đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng; đủ giáo trình, tài liệu, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ học tập cho sinh viên. Phối hợp, kết nối chặt chẽ với các cơ quan và nhà tuyển dụng để xây dựng cơ sở thực hành, thực tập, nghiên cứu và tuyển dụng người học.

6.2. Cam kết thực hiện chuẩn đầu ra

Học viện Phụ nữ Việt Nam cam kết tổ chức đào tạo và đánh giá khách quan kết quả học tập, rèn luyện của học viên theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo của Học viện Phụ nữ Việt Nam./.

GIÁM ĐỐC ✓

PGS. TS. Trần Quang Tiến 